|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN B** |  **MA TRẬN ĐỀ THI CHỌ HSG LỚP 12 CẤP TỈNH** **Năm 2024**MÔN: Địa lí |
| **PHẦN** | **NỘI DUNG** | **Số câu hỏi** | **SỐ LỆNH HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **Tổng số lệnh hỏi** |
| **PHẦN I** | **PHẦN II** | **PHẦN III** |
| **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **1. Địa lí tự nhiên Việt Nam**  | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **2** |  |  | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **2. Địa lí dân cư Việt Nam** | Dân số, lao động và việc làm | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Đô thị hoá | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **3. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **2** |  | 1 |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề phát triển công nghiệp | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Vấn đề phát triển dịch vụ | **2** |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| **4. Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam** | Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **5. Kĩ năng** |  | **6** |  |  |  |  |  |  | 2 | 3 | 1 | **6** |
| **Tổng** | **28** | **2** | **9** | **7** | **8** | **4** | **4** | **2** | **3** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ %** |  | **5,0** | **22,5** | **17.5** | **20,0** | **10,0** | **10,0** | **5,0** | **7,5** | **2,5** | **100,0** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN B** |  **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 12 CẤP TỈNH** **Năm 2024**MÔN: Địa lí |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng thức** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/****đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng số lệnh hỏi****( tổng điểm)** |
| **Thông hiểu****(TNKQ)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Dạng thức 1** | **A. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM** | **A1.** Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **-Thông hiểu:** lãnh thổ việt nam bao gồm những bộ phận nào | 1 |  |  |  |  |  |   **18****( 4,5 đ)** |
| **A2.** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **- Vận dụng:** Giải thích được những nguyên nhân tạo ra sự khác biệt của khí hậu các vùng  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| **A 3.** Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **- Vận dụng: S**o sánh đặc điểm tự nhiên của các vùng tự nhiên; Giải thích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phân hóa thiên nhiên ở các phần lãnh thổ  |  |  |  |  | 1 |  |
|  | **A4.** Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên | **- Vận dụng:** Sử dụng kiến thức để giải thích nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng |  |  | 1 |  |  |  |
| **B. ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** | **B1.** Đô thị hóa | **- Vận dụng:**Sử dụng kiến thức để giải thích nguyên nhân mức độ đô thị hóa ở miền núi thấp hơn ở đồng bằng |  |  | 1 |  |  |  |
|  | **C. CÁC NGÀNH** **KINH TẾ VIỆT NAM** | **C1.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **-Thông hiểu:** Hiểu được xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta | 1 |  |  |  |  |  |
| **C2.** Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **- Vận dụng:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được biện pháp quan trọng nhất tác động đến việc nâng cáo sức cạnh tranh của sản phẩm nông sản |  |  | 1 |  |  |  |
| **C3.** Vấn đề phát triển công nghiệp | **- Vận dụng:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được yếu tố chủ yếu nhất tác động đến việc nâng cao chất lượng của sản phẩm nông sản**- Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được các nhân tố quan trọng nhất tác động đến chuyển dịch cơ cấu công nghiệp |  |  | 1 |  | 1 |  |
| **C4.** Vấn đề phát triển dịch vụ | **-Vận dụng:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được nguyên nhân chủ yếu làm cho kim ngạch xuất , nhập khẩu tăng liên tục và muốn ở định về giá và chất lượng sản phẩm thì nội thương cần phát triển theo hướng nào |  |  | 2 |  |  |  |
| **D. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ VIỆT NAM** | **D1**. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **-Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được nguyên nhân chủ làm cho trung du miền núi Băc Bộ trở thành vùng chuyên canh chè lớn nhất nước ta |  |  |  |  | 1 |  |
| **D2.** Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **- Vận dụng:** tìm ra những nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy hoạt xuất khẩu ở ĐBSH phát triển |  |  | 1 |  |  |  |
| **D3.** Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được Bắc Trung Bộ có thể mạnh để hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế tổng hợp  |  |  |  |  | 1 |  |
| **D4.** Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được đâu không phải là hướng phát triển kinh tế biển của duyên hải Nam Tung Bộ |  |  |  |  | 1 |  |
| **D5.** Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **- Vận dụng:**Để đảm bảo sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, vùng Đông Nam Bộ cần phải chú trọng tới các vấn đề chủ yếu nào |  |  | 1 |  |  |  |
| **D6.** Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | **Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được mục đích chủ yếu của việc phát triển thủy sản theo hướng hàng hóa ở ĐBSCL |  |  |  |  | 1 |  |
| **Dạng thức 2** | **A. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN** | **A1.** Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên | **- Thông hiểu :** những đặc điểm của đai nhiệt đới gió mùa **- Vận dụng:** Dựa vào kiến thức đã học giải thích được đặc điểm khí hậu của đai nhiệt đới gió mùa**- Vận dụng cao:** vận dụng kiến thức đã học để tìm ra được nguyên nhân chủ yếu tác động làm cho đát feralit chiếm ưu thế  | 2 |  | 1 |  | 1 |  | **16****( 4,0đ)** |
| **B. ĐỊA LÍ DÂN CƯ** | **B1.** Dân số, lao động, việc làm | **- Thông hiểu** tỉ lệ lao động ở nông thôn đang tăng**- Thông hiểu:** so sanhs được tỉ lệ lao động thành thị tăng nhưng chiếm tỉ lệ nhỏ**- Vận dụng: vận** dụng kiến thức đã học để tìm ra được ý nghĩa chuyển dịch cơ cấu kinh tế là để giải quyết việc làm**- Vận dụng cao:** xác định được dạng biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu lao động | 2 |  | 1 |  | 1 |  |
| **C. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM** | **C1**. Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **- Thông hiểu:**Dựa vào kiến thức đã học hiểu được cây công nghiệp lâu năm đặc trưng của Việt Nam là cây nhiệt đới và đứng đầu thế giớ về một số cây **- Vận dụng:** Dựa vào kiến thức để tìm ra nguyên nhân tại sao Tây Nguyên phát triển được cây cận nhiệt đới**-Vận dụng cao:**Vận dụng kiến thức để tìm ra được yếu tố chủ yếu để giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp | 2 |  | 1 |  | 1 |  |
| **D. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ VIỆT NAM** | **D1.** Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **-Thông hiểu:** Tây Nguyên là vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô thứ 2 cả nước và phát triển cây công nghiệp lâu năm có ý nghĩa sản xuất hàng hóa- Vận dụng:Vận dụng kiến thức đã được học để xác định được nguyên nhân làm cho cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên đa dạng hơn Đông Nam Bộ là do khí hậu phân hóa đa dạng- Vận dụng cao:Vận dụng kiến thức đã học để xác định được để mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp cần chú ý vấn đề gì | 2 |  | 1 |  | 1 |  |
| **Dạng thức 3** | **A. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NĂM** | **A1.** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **- Thông hiểu:** Tính toán một số chỉ số về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta và địa phương  | 1 |  |  |  |  |  | **6****(1,5đ)** |
| **A2.** Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **- Vận dụng:** Tính toán một số chỉ số về khí hậu phân hóa theo độ cao  | 1 |  |  |  |  |  |
| **B. ĐỊA LÍ DÂN CƯ** | **B1**. Dân cư, lao động | **- Vận dụng:** Tính toán một số chỉ số dân số**- Vận dụng cao:** Tính toán một số chỉ số dân số |  |  | 1 |  | 1 |  |
| **C. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM** | **C1.** Vấn đề phát triển dịch vụ | **- Vận dụng:** Tính toán một số chỉ số về kinh tế |  |  | 2 |  |  |  |
| **Tổng số** | **12** |  | **16** |  | **12** |  | **40** |
| **Tỉ Lệ** | **30%** |  | **40%** |  | **30%** |  | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN B** | **BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY ĐỀ THI** **CHỌN HSG LỚP 12 CẤP TỈNH** **Năm 2024**MÔN: Địa lí |

| **Dạng thức** | **Chủ đề/Nội dung** | **Năng lực Địa lí** |
| --- | --- | --- |
| **Nhận thức khoa học** **địa lí (NT)** | **Tìm hiểu địa lí (TH)** | **Vận dụng kiến thức,** **kĩ năng đã học (VD)** |
| **Cấp độ tư duy** | **Cấp độ tư duy** | **Cấp độ tư duy** |
| ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Dạng thức 1** | Câu 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ |  XNT1.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 3: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng tới đời sống và sản xuất |  |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 4: Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên |  |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 5: Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường |  | XNT2.6 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 6: Đô thị hoá |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 7:Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 8: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản |  | X NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 9: Vấn đề phát triển công nghiệp |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  Câu 10: Vấn đề phát triển công nghiệp |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 11: Vấn đề phát triển dịch vụ |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 12: Vấn đề phát triển dịch vụ |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 13: Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 14: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 15: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 16: Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 17: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ |  | X NT 2.5 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 18: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| **XDạng thức 2** | Câu 1: Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | a | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; chọn được dạng biểu đồ thích hợp từ số liệu đã cho của cơ cấu lao động | a  |  |  |  | XTH1.7 |  |  |  |  |  |
| b |  |  |  | XTH1.7 |  |  |  |  |  |
| c |  |  X NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  |  |  |  | XTH1.9 |  |  |  |
| Câu 3: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | a | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  |  XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | XNT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 4: Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên. | a | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | XNT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| **Dạng thức 3** | Câu 1 . Tính cân bằng ẩm  |  |  |  | XH1.6 |  |  |  |  |  |
| Câu 2 . Tính mật độ dân số  |  |  |  | XTH1.6 |  |  |  |  |  |
| Câu 3. Tính và so sánh doanh thu trung bình từ một khách du lịch  |  |  |  |  | XTH1.6 |  |  |  |  |
| Câu 4 . Tính và so sánh năng suất lúa Thái Bình gấp mấy lần Điện Biên |  |  |  |  |  XTH1.6 |  |  |  |  |
| Câu 5. Tính Nhiệt độ thay đổi theo độ cao |  |  |  |  | XTH1.6 |  |  |  |  |
| Câu 6. Tính và so sánh số lao động thất nghiệp với số lao động thiếu việc làm |  |  |  |  |  | XTH1.6 |  |  |  |
| **TỔNG SỐ** | **8** | **13** | **10** | **4** | **3** | **2** | **0** | **0** | **0** |

**Tỷ lệ: (Thông hiểu: 12 lệnh hỏi (30%), Vận dụng: 26 lệnh hỏi (40%),Vận dụng cao : 12 lệnh hỏi (30%**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN B**  | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH****Năm 2024**MÔN: Địa líThời gian làm bài: 50 phút*(Đề thi gồm 28 câu 05 trang)* |

**PHẦN I**. **Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm

**A**. đất liền, hải đảo và vùng trời.

**B**. vùng đất, vùng biển và hải đảo.

**C**. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**D**. vùng đất, hải đảo và vùng trời.

**Câu 2.** Mùa mưa ở Nam Bộ thường kéo dài hơn so với Bắc Bộ chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Dải hội tụ nhiệt đới, ảnh hưởng của Biển Đông rộng lớn.

**B.** Vị trí đón gió mùa Tây Nam và ảnh hưởng của dải hội tụ.

**C.** Gió mùa Tây Nam đến sớm và kết thúc muộn ở Nam Bộ.

**D.** Gió mùa Tây Nam kết thúc muộn và giáp với Biển Đông.

**Câu 3.** Sự phân hóa mư trong nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta chủ yếu do sự kết hợp

 **A.** gió mùa Đông Bắc, độ cao địa hình, hướng núi và frông lạnh

 **B.** độ cao địa hình, gió mùa Đông Bắc, biển Đông và áp thấp xích đạo

 **C.** tín phong bán cầu Bắc, biển Đông, độ cao địa hình và frông lạnh

 **D.** hướng núi, độ cao địa hình, áp cao cận cực và dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 4**. So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

 **A.** ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 20oC

 **B**. đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.

 **C**. thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.

 **D**. đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.

**Câu 5.** Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là

**A**. thâm canh nông nghiệp cao, sử dụng quá nhiều phân hóa học và thuốc trừ sâu.

**B**. hầu hết nước thải của công nghiệp, các đô thị chưa qua xử lí và xả thẳng ra sông.

**C**. giao thông vận tải đường thủy phát triển, lượng xăng dầu và chất thải trên sông lớn.

**D.** việc khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên ở ngoài thềm lục địa và sự cố tràn dầu trên biển.

**Câu 6.** Mức độ đô thị hóa ở vùng núi nước ta thấp hơn đồng bằng chủ yếu do

**A.** địa hình khó khăn cho xây dựng đô thị, số dân ít.

**B.** quá trình công nghiệp hóa diễn ra muộn, số dân ít.

NDL

**C.** chất lượng cuộc sống thấp, cơ sở hạ tầng hạn chế.

**D.** trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp, thưa dân.

**Câu 7.** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A**. tăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học công nghệ.

**B**. tăng tỉ trọng các ngành sử dụng nhiều tài nguyên và lao động.

**C**. giảm tỉ trọng các ngành đòi hỏi hàm lượng khoa học kĩ thuật cao

**D**. giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp khai khoáng.

**Câu 8.** Biện pháp quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng lúa gạo xuất khẩu nước ta là

 **A.** nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến.

 **B.** giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

 **C.** nắm bắt được những biến đổi của yêu cầu thị trường.

 **D.** sản xuất nhiều giống lúa đặc sản, phù hợp với thị trường.

**Câu 9.** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

 **A.** đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

 **B**. tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

 **C.** gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

 **D**. đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động

**Câu 10.** Các nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay là

 **A.** chính sách công nghiệp hoá và hiện đại hoá, nhu cầu thị trường mở rộng.

 **B.** trình độ lao động nâng cao, nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài tăng nhanh.

 **C.** cơ sở hạ tầng được hiện đại hoá, cơ sở vật chất kĩ thuật đang hoàn thiện.

 **D.** chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, xu hướng chuyển dịch của thế giới.

**Câu 11.**Kim ngạch xuất, nhập khẩu cùa nước ta liên tục tăng chù yếu do

 **A.** tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

 **B.** thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.

 **C.** sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.

 **D.** có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sàn xuất phát triển.

**Câu 12.** Để ổn định giá và nâng cao chất lượng hàng hoá, hoạt động nội thương của nước ta đang đẩy mạnh theo hướng

 **A.** đa dạng hoá các mặt hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

 **B**. thu hút sự tham gia của nhiều thành phần phần kinh tế,

 **C.** phát triển các mạng lưới siêu thị và trung tâm thương mại.

 **D.** phát triển mô hình chợ truyền thống và chợ đầu mối.

**Câu 13.** Những nguyên nhân chủ yếu nào sau đây để hình thành vùng chuyên canh cây chè tập trung ở các tỉnh thuộc vùng TD&MNBB?

 **A.** Khí hậu mát mẻ, nhiều cao nguyên và đồi trung du.

 **B**. Khí hậu nóng ẩm, nhiều cao nguyên và đồi trung du.

 **C**. Khí hậu mát mẻ, nhiều đồi trung du và nguồn nước dồi dào.

 **D.** Khí hậu gió mùa, nhiều cao nguyên và đất ba-dan màu mỡ.

**Câu 14.** Những nguyên nhân nào sau đây đã góp phần phát triển mạnh hoạt động xuất khẩu ở ĐBSH?

**A.** Hệ thống cảng biển, sân bay phát triển mạnh.

**B**. Việt Nam gia nhập WTO, lao động có trình độ cao.

**C.** Đẩy mạnh **phát** triển ngành công nghiệp, nông nghiệp hàng hoá.

**D.** Nền kinh tế phát triển mạnh, hệ thống giao thông đa dạng.

**Câu 15.** Bắc Trung Bộ có thể mạnh để hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế tổng hợp, bao gồm:

**A.** nông nghiệp, chăn nuôi và công nghiệp chế biến.

**B.** nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

**C.** công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.

**D**. nông nghiệp, công nghiệp chế biến và du lịch.

**Câu 16.** Hướng phát triển kinh tế biển ở DHNTB không phải là

**A.** phát triển kinh tế biển xanh và bền vững.

**B.** bảo vệ nguồn lợi, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**C.** phát triển gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

**D.** tập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến.

**Câu 17.** Để đảm bảo sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, vùng Đông Nam Bộ cần phải chú trọng tới các vấn đề nào sau đây?

**A.** Giảm tỉ lệ gia tăng dân số và khai thác hợp lí tài nguyên.

**B.** Đẩy mạnh quá trình đô thị hoá và thu hút lao động từ các vùng khác đến.

**C.** Bảo vệ môi trường và tập trung phát triển các ngành kinh tế cần nhiều lao động.

**D.** Bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lí, hiệu quả tài nguyên.

**Câu 18.**Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là

**A**. khai thác các thế mạnh tự nhiên, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập.

**B.** chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, tạo hàng xuất khẩu có giá trị, sử dụng hợp lí tài nguyên.

**C.** chuyển dịch cơ cấu ngành thuỷ sản, tận dụng diện tích mặt nước, tìm kiếm ngư trường mới.

**D**. đẩy mạnh sản xuất thâm canh, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1**: Cho thông tin sau

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 – 700m ở miền Bắc và dưới 900 – 1000 m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

**a)** Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.

**b)** Có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.

**c)** Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lí và hoạt động của gió mùa hạ.

**d)** Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn

của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **2000** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Nông thôn | 76,9 | 71,7 | 68,8 | 63,3 |
| Thành thị | 23,1 | 28,3 | 31,2 | 36,7 |

 *(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2021, NXB thống kê 2022)*

**a)** Tỷ trọng lao động khu vực nông thôn tăng liên tục.

**b)** Tỷ trọng lao động khu vực thành thị tăng nhưng chiếm tỉ trọng nhỏ.

**c)** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một giải pháp để giải quyết việc làm.

**d)** Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021.

**Câu 3**. Cho thông tin sau:

Một số cây công nghiệp lâu năm có giá trị ngày càng được mở rộng, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điểu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cà phê, hồ tiêu và điều hàng đầu thế giới.

**a)** Các cây công nghiệp lâu năm ở nước ta đa dạng.

**b)** Nước ta đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê và cao su.

**c)** Việc phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Tây Nguyên chủ yếu do khí hậu có một mùa đông lạnh.

**d)** Giải pháp để giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp là đa dạng cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh chế biến.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Xây dựng nhà máy thủy điện cũng như hình thành các bậc thang thủy điện ở Tây Nguyên góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiết kiệm nguồn nước và chi phí xây dựng, bảo vệ tài nguyên môi trường, góp phần đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống người dân, ngoài ra còn phát triển du lịch và nuôi thủy sản tại các hồ thủy lợi....

 **a)** Bậc thang thủy điện ở Tây Nguyên được xây dựng trên cơ sở cấu trúc địa hình phân bậc.

 **b)** Việc xây dựng công trình thủy điện ở Tây Nguyên có ý nghĩa chủ yếu trong việc phát triển công nghiệp và dự trữ nước cho mùa khô.

 **c)** Khó khăn chủ yếu của việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên là chế độ nước thất thường, lưu lượng nước sông nhỏ.

 **d)** Biện pháp chủ yếu để phát triển thủy điện bền vững ở Tây Nguyên cần gắn liền với bảo vệ rừng, đất đai và điều tiết nguồn nước trong mùa lũ

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm? *(Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị mm)*

**Câu 2:** Cho diện tích và dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 lần lượt là 51,2 nghìn km2 và 11,2 triệu người. Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/ km2? *(kết quả làm tròn đến hàng đơn vị người/km2)*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch của khu vực Đông Nam Á

Năm 2005 và năm 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí/Năm** | **2005** | **2019** |
| Số lượt khách *(triệu người)* | 49,3 | 138,5 |
| Doanh thu du lịch *(tỉ USD)* | 33,8 | 147,6 |

*(Nguồn: WB năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết doanh thu trung bình từ một khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu USD so với năm 2005? (*làm tròn kết quà đến hàng đơn vị của USD)*

**Câu 4.** Cho bằng số liệu: Diện tích và sản lượng lúa của Thái Bình và Điện Biên nam 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa phương  | Diện tích lúa cả năm (Nghìn ha) | Sản lượng lúa cả năm (nghìn tấn) |
| Thái Bình | 153,2 | 997,6 |
| Ðiên Biên | 53,8 | 200,2 |

 *(Nguồn*: gso.gov.vn*)*

Dựa vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa cả năm của Thái Bình gấp mấy lần Điện Biên *?(Kết quả* *làm tròn kết quả đến 1 số**hàng thập phân của số lần****)***

**Câu 5.** Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,60C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Phan-xi-păng là 220C, biết đỉnh núi Phan-xi-păng cao 3143m, tính nhiệt độ chân núi sườn khuất gió của núi này là bao nhiêu 0C? *(Kết quả làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của oC)*

**Câu 6.** Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết chênh lệch giữa số lao động thất nghiệp so với số lao động thiếu việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(Kết quả làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai của triệu người).*

***------ HẾT ------***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN B** |  **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHỌN HSG** **LỚP 12 CẤP TỈNH****Năm 2024**MÔN: Địa lí *(Hướng dẫn chấm gồm 5 trang)* |

**I. ĐÁP ÁN**

**PHẦN I. (4,5 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **C** | 10 | **A** |
| 2 | **C** | 11 | **C** |
| 3 | **A** | 12 | **C** |
| 4 | **B** | 13 | **A** |
| 5 | **B** | 14 | **D** |
| 6 | **D** | 15 | **D** |
| 7 | **A** | 16 | **D** |
| 8 | **A** | 17 | **D** |
| 9 | **A** | 18 | **B** |

**PHẦN II. (4,0 điểm)**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.

- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| 1 | a | **S** | 3 | a | **Đ** |
| b | **S** | b | **Đ** |
| c | **Đ** | c | **S** |
| d | **Đ** | d | **Đ** |
| 2 | a | **S** | 4 | a | **Đ** |
| b | **Đ** | b | **Đ** |
| c | **Đ** | c | **S** |
| d | **S** | d | **Đ** |

**PHẦN III. (1,5 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **243** | 4 | **1,8** |
| 2 | **219** | 5 | **34** |
| 3 | **389** | 6 | **0,05** |

**II. TÓM TẮT LỜI GIẢI**

**PHẦN I. (4,5 điểm)**

**Câu 1.**Mức độ thông hiểu, đáp án C**.**

 lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất gồm ba bộ phận: vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**Câu 2.**Mức độ vận dụng, đáp án C**.**

Miền Nam có mùa mưa kéo dài hơn ở Bắc Bộ do gió mùa Tây Nam đến sớm và kết thúc muộn ở Nam Bộ.

**Câu 3.**Mức độ vận dụng, đáp án A**.**

 Sự phân hóa lượng mưa trong nửa đầu mùa đông ở miền Bắc chủ yếu là do gió mùa Đông Bắc, độ cao địa hình, hướng núi và frông lạnh

**Câu 4.**Mức độ vận dụng cao, đáp án B**.**

Miền bắc và Đông Bắc Bắc Bộ do vị trí địa đầu tiên đón gió mùa đông bắc, cùng với các cánh cunng đón gió nên đây là nơi có mùa đôn đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.

**Câu 5.**Mức độ vận dụng, đáp án D**.**

Nguyên nhân chủ yếu làm cho nguồn nước bị ô nhiễm là dohầu hết nước thải của công nghiệp, các đô thị chưa qua xử lí và xả thẳng ra sông.

**Câu 6.**Mức độ vận dụng, đáp án D**.**

Mức độ đô thị hóa ở vùng núi nước ta thấp hơn đồng bằng chủ yếu dotrình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp, thưa dân nên chưa thúc đẩy mạnh quá trình độ thị hóa

**Câu 7.**Mức độ thông hiểu, đáp án A**.**

Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướngtăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học công nghệ.

**Câu 8.**Mức độ vận dụng, đáp án A.

Biện pháp quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng lúa gạo xuất khẩu nước ta là nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến.

**Câu 9.**Mức độ vận dụng, đáp án A.

Yếu tố tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước tađầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**Câu 10.**Mức độ vận dụng cao, đáp án A.

Các nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay là chính sách công nghiệp hoá và hiện đại hoá, nhu cầu thị trường mở rộng.

**Câu 11.**Mức độ vận dụng, đáp án C.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu cùa nước ta liên tục tăng chù yếu do sự phát triển kinh tế dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nhiều tư liệu sản xuất và tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu và những đổi mới trong cơ chế quản lí đặc biệt là đổi mới mở của thị trường, cho phép nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất nhập khẩu

**Câu 12.**Mức độ vận dụng, đáp án C.

Để ổn định giá và nâng cao chất lượng hàng hoá, hoạt động nội thương của nước ta đang đẩy mạnh theo hướngphát triển các mạng lưới siêu thị và trung tâm thương mại

**Câu 13.**Mức độ vận dụng cao, đáp án A

Những nguyên nhân chủ yếu để hình thành vùng chuyên canh cây chè tập trung ở các tỉnh thuộc vùng TD&MNBBlàkhí hậu mát mẻ, có nhiều cao nguyên và đồi trung du

**Câu 14.**Mức độ vận dụng, đáp án D

Những nguyên nhân đã góp phần phát triển mạnh hoạt động xuất khẩu ở ĐBSH là nền kinh tế phát triển mạnh, hệ thống giao thông đa dạng.

**Câu 15.**Mức độ vận dụng cao, đáp án D

Bắc Trung Bộ có thể mạnh để hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế tổng hợp, bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản vì có nhiều rùng, đất cát pha ở đồng bằng, đất feralit ở miền núi, giáp biển ở phía Đông

**Câu 16.**Mức độ vận dụng, đáp án D

Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải làtập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến, mà đang đẩy mạnh đánh bắt xa bờ

**Câu17.**Mức độ vận dụng, đáp án D

Để đảm bảo sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, vùng Đông Nam Bộ cần phải chú trọng tới các vấn đề bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lí, hiệu quả tài nguyên thì mới đảm bảo cho phát triển lâu dài

**Câu 18.**Mức độ vận dụng cao, đáp án B

Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, tạo hàng xuất khẩu có giá trị, sử dụng hợp lí tài nguyên vì ĐBSCL đang bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu

**PHẦN II. (4,0 điểm)**

**Câu 1:**

**a)** Mức độ thông hiểu, đáp án Sai

Đây không phải là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa, mà là đặc điểm của đai nhiệt đới gió mùa

**b)** Mức độ thông hiểu, đáp án Sai

ở đai này không có hệ sinh thái rừng ôn đới mà là hệ sinh thái rừng nhiệt đới chiếm ưu thế

**c)** Mức độ vận dụng, đáp án Đúng

Mùa hạ nóng do ảnh hưởng của vị trí và hoạt động của gió mùa mùa hạ là loại gió nóng và ẩm

**d)** Mức độ vận dụng cao, đáp án Đúng

Đất feralit chiếm ưu thế do đặc điểm địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, khí hậu nhiệt đới gió mùa

**Câu 2:**

**a)** Mức độ thông hiểu, đáp án Sai

Tỷ trọng lao động khu vực nông thôn tăng liên tực

**b)** Mức độ thông hiểu, đáp án Đúng

Tỷ trọng lao động ở khu vực thành thị tăng nhưng chiếm tỉ trọng nhỏ

**c)** Mức độ vận dụng, đáp án Đúng

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một giải pháp để giải quyết việc làm.

**d)** Mức độ vận dụng cao, đáp án Sai

Biểu đồ đường không phải là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021 mà là biểu đồng miền

**Câu 3:**

**a)** Mức độ thông hiểu, đáp án Đúng

Các cây công nghiệp lâu năm ở nước ta đa dạng có nhiều loại cây cả nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới

**b)** Mức độ thông hiểu, đáp án Đúng

Nước ta đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê và cao su.

**c)** Mức độ vận dụng, đáp án Sai

Việc phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Tây Nguyên không phải do khí hậu có một

mùa đông lạnh mà là do khí hậu phân hóa theo độ cao địa hình

**d)** Mức độ vận dụng cao, đáp án Đúng

Giải pháp để giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp là đa dạng cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh chế biến.

**Câu 4:**

**a)** Mức độ thông hiểu, đáp án Đúng

Bậc thang thủy điện ở Tây Nguyên được xây dựng trên cơ sở cấu trúc địa hình phân bậc là các cao nguyên ba dan xếp tầng.

**b)** Mức độ thông hiểu, đáp án Đúng

 Việc xây dựng công trình thủy điện ở Tây Nguyên có ý nghĩa chủ yếu trong việc phát triển công nghiệp tạo ra nguồn lao động đồi dào cho phát triển công nghiệp và các hồ thủy điện còn dự trữ nước cho mùa khô.

**c)** Mức độ vận dụng, đáp án Sai

 Khó khăn chủ yếu của việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên là chế độ nước thất thường, lưu lượng nước sông nhỏ là không đúng mà khó khăn lớn nhất ở đây là chế độ nước sông có sự phân mùa

**d)** Mức độ vận dụng cao, đáp án Đúng

Biện pháp chủ yếu để phát triển thủy điện bền vững ở Tây Nguyên là cần gắn liền với bảo vệ rừng, đất đai và điều tiết nguồn nước trong mùa lũ vì chế độ nước sông phân mùa, bảo vệ rừng để giũa nước sông

**PHẦN II. (1,5 điểm)**

 **Câu 1.** Mức độ thông hiểu

Cân bằng ẩm = lượng mưa - lượng bốc hơi

 =1931mm- 1868mm

 = 243 mm

**Câu 2.** Mức độ thông hiểu

Mật độ đân số năm 2021 = dân số: diện tích

 = 11,2 x 1.000.000 : 51,2 x 1000

 = 219 người/km2

**Câu 3.** Mức độ vận dụng

- Tính doanh thu trung bình của một khách du lịch năm 2005 và 2019

 + Danh thu TB một khách năm 2005 = doanh thu : số lượt khách

 = 33,8 x1.000.000.000 :49,3 x 1.000.000

 = 685,6 USD

 + Danh thu TB một khách năm 2019 = doanh thu : số lượt khách

 = 147,6 x1.000.000.000 : 138,5 x 1.000.000

 = 1065,7 USD

 **-** Doanh thu trung bình từ một khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu USD so với năm 2005 = doanh thu trung bình năm 2019 - doanh thu trung bình năm 2021

= 1065,7 - 685,6

= 380 UDS

**Câu 4.** Mức độ vận dụng

- Tính năng suất lúa của Thái Bình và Điện Biên

 + Năng suất lúa Thái Bình = sản lượng : diện tích

 = 997,6 :153,2

 = 6,51 tấn/ha

 = 65,1 tạ/ha

 + Năng suất lúa của Điện Biên = sản lượng : diện tích

 = 200,2 : 53,8

 = 3,72 tấn/ ha

 = 37,2 tạ/ha

 - Năng suất lúa của Thái Bình Gấp mấy lần Điện Biên

 = năng suất Thái Bình : năng suất Điện Biên

 = 65,1 : 37, 2

 = 1,8 lần

 **Câu 5 .** Mức độ vận dụng

- Chênh lệch độ cao = độ cao đỉnh núi - độ cao chân núi

 = 3143 - 0

 = 3143 m

- Nhiệt độ của đỉnh múi theo sườn đón gió

 = nhiệt độ chân núi - (chênh lệch độ cao x 0,6):100

 = 22- ( 3143 x 0,6) : 100

 = 22 - 19

 = 3 oc

- Nhiệt độ chân núi sườn khuất gió

 = Nhiệt độ đỉnh núi + (chênh lệch độ cao x 1):100

 = 3 + ( 3143 x 1) : 100

 = 3 + 31

 = 34 oc

**Câu 6**. Mức độ vận dụng cao

 - Số lao động thất nghiệp = ( tỉ lệ thất nghiệp x tổng số lao động) :100

 = (3,2 x 50,6) : 100

 =1,62 triệu người

- Số lao động thiếu việc làm = ( tỉ lệ thiếu việc làm x tổng số lao động) :100

 = (3,1 x 50,6) : 100

 =1,57 triệu người

- Chênh lệch giữa số lao động thất nghiệp và lao động thiếu việc làm là

 = số lao động thất nghiệp- số lao động thiếu việc làm

 = 1,62 - 1,57

 = 0,05 triệu người

 ---------HẾT----------

**THÔNG TIN VỀ ĐỀ THI**

**TÊN FILE ĐỀ THI: 8\_Diali\_TR2\_HSG12\_2024\_DE\_SO\_1**

**TỔNG SỐ TRANG (GỒM MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ THI VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM) LÀ: 23 TRANG.**

Họ và tên người ra đề thi: Phạm Thị Hồng

Đơn vị công tác: THPT Nho Quan B

Số điện thoại: 0973733730